

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-ST

Ngày: 28-11-2019

“V/v tranh chấp dân sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - Thư ký tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Biên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2018/TLST-DS
ngày 03 tháng 12 năm 2018 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXX-DS ngày 28 tháng 10
năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn K, sinh năm 1964, nơi cư trú: tổ 3, ấp Đ,
xã T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1974, nơi cư trú: tổ 3, ấp Đ, xã
T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn S, sinh
năm 1992; Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1995, cùng cư trú: tổ 3, ấp Đ,
xã T, huyện T, tỉnh A, đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết
vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:* Ông Nguyễn Văn V là
em vợ của ông, do cần vốn chăn nuôi bò nên ông V có nhờ ông vay dùm số
tiền tại Ngân hàng, ông V hứa chịu trách nhiệm trả vốn và tiền lãi theo hợp
đồng của ông với Ngân hàng. Sau khi vay ông đã đưa lại cho ông V số tiền

50.000.000 đồng, có lập tờ vay vốn chăn nuôi ngày 05/8/2015, lãi suất 12%/năm, không thỏa thuận thời hạn, do ông V ký và lấn tay, lúc đó có con của ông Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị Cẩm L biết. Đến nay nợ chuyển sang quá hạn, yêu cầu ông V trả lại cho ông 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định 12%/năm từ ngày 05/8/2015 đến khi xét xử (ngày 28/11/2019), nhưng ông chỉ yêu cầu tính là 38 tháng.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí giám định 1.500.000 đồng, yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Theo yêu cầu và trình bày của nguyên đơn thấy rằng giữa ông V và ông K có sự tự nguyện thỏa thuận thực hiện giao dịch, theo đó ông K vay dùm cho ông V số tiền 50.000.000 đồng, các bên thỏa thuận trả mức lãi suất bằng mức lãi suất của Ngân hàng quy định, nhưng từ khi vay đến nay thì ông V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Về tài liệu là “tờ vai vốn chăn nuôi bò ghi ngày 05/8/2015” do nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định, nhưng kết luận giám định “không đủ yếu tố để tiến hành giám định”, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án cũng không có mặt để đối chất lời khai được. Như vậy, từ khi thụ lý đến đưa vụ án ra xét xử bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến và cũng không đưa ra được chứng cứ khác để bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, đủ cơ sở kết luận ông V còn nợ tiền vốn vay của ông V là 50.000.000 đồng, buộc ông V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn, lãi là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật áp dụng.

- *Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập:* Kết luận trưng cầu giám định số 20/KLGT-PC09(ĐV) ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang; Biên bản xác minh tại Ban ấp Đ, xã T, huyện T cùng ngày 14/3/2019 và ngày 10/9/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng giao dịch này giữa ông K với ông V là sự thỏa thuận để thực hiện giao dịch dân sự, bằng hình thức vay bằng tiền. Giao dịch này phù hợp theo quy định điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay bằng tiền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hợp đồng vay: Trên cơ sở sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, theo yêu cầu của nguyên đơn, cùng với các tài liệu chứng cứ, thấy rằng ông K có vay vốn từ ông V số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, mục đích để chăn nuôi bò, không thời hạn có lập tờ vay vốn chăn nuôi bò ghi ngày 05/8/2015. Nhưng đến nay ông V không thanh toán được dẫn đến còn nợ ông V số tiền vốn 50.000.000 đồng. Sự thỏa thuận này thuộc giao dịch dân sự là hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi bằng tiền phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Đánh giá về chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp được “tờ vai vốn chăn nuôi bò ghi ngày 05/8/2015”, Tòa án tiến hành trưng cầu giám định theo kết luận giám định số 20/KLGT-PC09(ĐV) ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận: “Mẫu so sánh không đủ yếu tố để tiến hành giám định so sánh với tài liệu giám định”. Đồng thời nguyên đơn có cung cấp khi giao số tiền này cho ông V có các con là Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị Cẩm L biết, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt, do đó không tiến hành lấy lời khai, đối chất được.

Tuy nhiên, theo tài liệu là “Tờ vai vốn chăn nuôi bò ghi ngày 05/8/2015” do nguyên đơn cung cấp, tại mục người mượn có ký tên và lấn tay của ông V, đó là chứng cứ duy nhất xác định được ông V có nợ ông K 50.000.000 đồng. Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, nhưng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến và cũng không đưa ra được chứng cứ khác để bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chứng cứ này là phù hợp theo yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định ông K có vay từ ông V số tiền 50.000.000 đồng là có thật.

Nguyên đơn yêu cầu trả vốn và tính lãi suất 12%/năm và tự nguyện chỉ tính thời gian là 38 tháng, là phù hợp quy định. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi theo thỏa thuận, cụ thể: 50.000.000 đồng x 12%/năm x 38 tháng = 19.000.000 đồng. Tổng

cộng tiền vốn, lãi: 69.000.000 đồng.

Do đó, theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu. Nhưng nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền chi phí giám định 1.500.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, 161, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 / 2016 / UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Nguyễn Văn V.

- Buộc ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ vốn và lãi là 69.000.000 đồng (*sáu mươi chín triệu đồng*), trong đó vốn: 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*); lãi: 19.000.000 đồng (*mười chín triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 3.450.000 đồng (*ba triệu, bốn trăm, năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí.

Ông K được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 1.820.000đ (*một triệu tám trăm, hai mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số TU/2016/0014418 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn V phải hoàn lại cho Nguyễn

Văn K số tiền 1.500.000 đồng (*một triệu, năm trăm ngàn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h. Tỉnh Biên;
- THADS h. Tỉnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ